TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TH** **TỈNH TH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **86** /2018/HNGĐ – ST
Ngày: 22/11 /2018
V/v: Tranh chấp HNGĐ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH, TỈNH TH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Tuấn Hưởng

2. Ông Phạm Đức Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH.

- Đại diệnViện Kiểm sát nhân dân thành phố TH tham gia phiên tòa: Không tham gia

Ngày 22/11/2018 tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố TH, xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số 695/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 09 năm 2018 về việc " Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2018/QĐXX-ST ngày 30 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1992

Nơi ĐKNKTT: Xóm X, xã N, huyện N, tỉnh NĐ

Nơi ở: Tổ Y, phường T, thành phố TH, tỉnh TH

2. Bị đơn: Anh Vũ Quang P, sinh năm 1989

Nơi ĐKNKTT: Xóm X, xã N, huyện N, tỉnh NĐ

Nơi ở: Tổ Y, phường T, thành phố TH, tỉnh TH

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Vũ Quang P kết hôn năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh NĐ. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm không tìm được tiếng nói chung. Anh P đi ngoại tình với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2017 đến nay không quan tâm đến nhau nữa. Khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia

đình khuyên giải nhưng không cải thiện được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin ly hôn.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Anh V, sinh ngày 06/7/2014. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Vũ Quang P trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Tôi nhất trí với lời khai của chị M về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung và công nợ chung là đúng. Nguyên nhân chị M có đơn xin ly hôn, tôi xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, do chị M tự ý bỏ đi từ tháng 5/2017, đến tháng 9/2017 tôi vẫn thường xuyên sang đón chị M nhưng chị M vẫn không về, đến đầu năm 2018 thì không ai quan tâm đến ai nữa. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, muốn vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con chung. Chị M kiên quyết xin ly hôn, tôi cũng không nhất trí.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Anh V, sinh ngày 06/7/2014. Nếu phải ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải tuy nhiên các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án, do vậy vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, chị M và anh P đều có nơi cư trú tại thành phố TH, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố TH theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Vũ Quang P kết hôn năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh NĐ trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống anh chị đã có một con chung là Vũ Anh V, sinh ngày 06/7/2014. Lý do chị M làm đơn xin ly hôn là do hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, anh P còn đánh chị M nhiều lần. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng anh P chỉ thay đổi được một thời gian. Chị M và anh P đã ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay, vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa. Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa ngày hôm nay chị M xác định tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, chị đề nghị được ly hôn với anh P.

Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa anh P đều xác định vợ chồng không có mâu thuẫn, anh không có quan hệ tình cảm với người khác như chị M trình bày. Anh P không nhất trí ly hôn nhưng cũng không đưa ra được các phương án cải thiện mối quan hệ của vợ chồng, khắc phục các mâu thuẫn và cũng không cố gắng hòa giải với chị M. Thực tế hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân được gần hai năm, giữa hai vợ chồng không còn sự quan tâm, chia sẻ với nhau, không có tiếng nói chung. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh P đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do đó, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị M cho chị M được ly hôn với anh P là phù hợp với thực tế và Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình 2015.

[2.2] Về con chung: Chị M và anh P cùng có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là Vũ Anh V, sinh ngày 06/7/2014. Hội đồng xét xử thấy:

Xét về điều kiện chăm sóc giáo dục con chung: Chị M và anh P đều có điều kiện để chăm sóc con chung. Tuy nhiên, cháu Vũ Anh V còn nhỏ và từ bé đến nay (kể cả thời gian anh chị sống ly thân) đều do chị M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nên đã quen với cuộc sống hiện tại. Bản thân chị M có công việc và thu nhập ổn định. Xét thấy để đảm bảo sự phát triển bình thường của con trẻ, tránh sự xáo trộn cuộc sống không cần thiết. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị M, giao con Vũ Anh V, sinh ngày 06/7/2014 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2015.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh P xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị M phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M. Chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Vũ Quang P.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Vũ Anh V, sinh ngày 06/7/2014 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh P được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở.

** Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Tòa án không giải quyết vì chị M không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp sang theo biên lai thu số 0006829 ngày 17/09/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị M, anh Vũ Quạng P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND TPTH;
- T.H.A DS TPTH;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trương Thị Thanh Trúc

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thanh Trúc